

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đúng và bà Phạm Xuân Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: 4th F, N. L, Z, S, N City, Đài Loan (Trung Quốc), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nộp tài liệu, chứng cứ và nhận kết quả; đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn T - Luật sư của Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; địa chỉ trụ sở: Số 87, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Dương Văn Q, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã L thành phố P, tỉnh Hà Nam; hiện đang cai nghiện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm 1, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị L và Anh Dương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 28 tháng 11 năm 2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Đến năm 2018, chị Nguyễn Thị L chính thức đi Đài Loan lao động và làm việc tại Công ty Ưc Hương của Đài Loan. Nay, cả hai anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị L xin ly hôn anh Q đồng ý.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Xuân T2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2014; hiện cháu T2 đang ở với bà Ngô Thị T1 (Bà nội). Nếu ly hôn, cả hai anh chị đều xin được nuôi con và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; chị L đề nghị Tòa án giao cho bà Đỗ Thị L1 (Mẹ đẻ chị L) thay chị nuôi dưỡng đến khi chị L hết hạn lao động tại Đài Loan; anh Q đề nghị tạm giao cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi anh Q chấp hành xong thời hạn cai nghiện bắt buộc sẽ nuôi dưỡng cháu T2 theo quy định.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Cả hai anh chị đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bà Ngô Thị T1 xác định: Anh Q và chị L có 01 con chung (Dương Xuân T2) sinh năm 2014; kể từ thời điểm anh chị sống ly thân đến khi anh Q đi cai nghiện, cháu T2 đều do anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng; từ tháng 8 năm 2022 đến nay cháu T2 ở với bà T1. Nếu anh chị ly hôn bà T1 xin tự nguyện nuôi cháu T2 đến khi anh Q chấp hành xong việc cai nghiện bắt buộc, bà T1 có trách nhiệm giao lại cháu T2 cho anh Q nuôi dưỡng theo quy định.

Bản luận cứ của Luật sư Phan Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Dương Văn Q. Về con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L; trường hợp cháu Dương Xuân T2 có nguyện vọng ở với anh Q thì chị L cũng đồng ý đến khi chị L hết hạn lao động tại Đài Loan sẽ thỏa thuận với anh Q về việc thay đổi nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị L sẽ thực hiện theo quy định của Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Dương Xuân T2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2014 cho anh Dương Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Nguyễn

Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao cháu T2 cho bà Ngô Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian anh Q chấp hành cai nghiện bắt buộc đến khi anh Q cai nghiện xong, bà T1 có trách nhiệm giao trả cháu T2 cho anh Q. Án phí ly hôn sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, chị Nguyễn Thị L, anh Dương Văn Q và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự và Luật sư theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 28 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung; vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến năm 2018, chị Nguyễn Thị L chính thức đi Đài Loan lao động; từ đó, vợ chồng cách xa và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Nay chị L xin ly hôn, anh Q đồng ý. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Q là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Dương Xuân T2 sinh ngày 24 tháng 6 năm 2014; hiện đang ở với bà Ngô Thị T1. Khi ly hôn, cả hai anh chị đều xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ thời điểm chị L đi lao động tại Đài Loan đến nay, anh Q là người trực tiếp nuôi cháu và nguyện vọng của cháu T2 muốn ở với anh Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Dương Xuân T2 cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định; do anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chấp nhận việc anh Q nhờ bà T1 nuôi dưỡng cháu T2 trong thời gian anh Q chấp hành cai nghiện bắt buộc đến khi anh Q chấp hành xong, bà T1 có trách nhiệm giao cháu T2 cho anh Q nuôi dưỡng theo quy định.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí các đương sự phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Xuân T2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2014 cho anh Dương Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm giao cháu Dương Xuân T2 cho bà Ngô Thị T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Q chấp hành xong việc cai nghiện bắt buộc, bà T1 có trách nhiệm giao lại cháu T2 cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Luật sư Phan Văn T đã nộp thay chị L theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002521 ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Dương Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; báo cho chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; báo cho bà Ngô Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã L, TP. P;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy